UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 336/TB-HĐTD

Hải Dương, ngày 16 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) và tiếp nhận đơn phúc khảo kết quả bài thi, kỳ tuyển dụng công chức các cơ quan hành chính Nhà nước tỉnh Hải Dương năm 2022

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 850/KH-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức thi tuyển công chức các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh năm 2022; Thông báo số 60/TB-UBND ngày 14/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh các mốc thời gian của Kế hoạch thi tuyển công chức năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2022;

Căn cứ kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), ngày 06/8/2022. Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2022 thông báo các nội dung như sau:

1. Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2)

(có kết quả bài thi của từng thí sinh kèm theo).

Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) sẽ được Hội đồng tuyển dụng công chức thông báo đến từng thí sinh.

2. Thời gian, địa điểm nộp đơn phúc khảo và lệ phí phúc khảo

Trong thời hạn **15 ngày** kể từ ngày công bố kết quả điểm thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ tỉnh Hải Dương, thí sinh có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đến Hội đồng tuyển dụng công chức.

Hội đồng tuyển dụng công chức nhận đơn phúc khảo của thí sinh, như sau:

- Thời gian tiếp nhận: **Từ ngày 16/8/2022 đến hết ngày 30/8/2022**.

- Địa điểm tiếp nhận: Sở Nội vụ tỉnh Hải Dương (Số 01, Đô Lương, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi (theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính).

- Đơn đề nghị phúc khảo phải là văn bản giấy, do thí sinh trực tiếp làm và ký tên. Không chấm phúc khảo đối với các đơn phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn quy định nêu trên (tính theo dấu bưu điện nếu đơn gửi theo đường bưu chính); không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo được gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Hội đồng tuyển dụng công chức *(qua Sở Nội vụ tỉnh Hải Dương theo số điện thoại 0913255146 - Thư ký Hội đồng tuyển dụng)* để được hướng dẫn, giải quyết.

Hội đồng tuyển dụng công chức thông báo để các thành viên Hội đồng tuyển dụng, Ban Giám sát, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các Thí sinh dự thi biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát;
- Ban biên tập Trang thông tin Sở Nội vụ;
- Thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, HĐTD.

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH

SỞ NỘI VỤ

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Nguyễn Thị Lan

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

SỞ NỘI VỤ

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2)
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH HẢI DƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 336 /TB-HĐTD ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
								Điểm bài thi	Điểm trừ			
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên			Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-11+12*
Phòng thi số 1												
1	CC01	Dương Thu Vân Anh	07/3/1994	Quản lý công nghệ	Phòng Quản lý công nghệ và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Ngành, lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	79,5				79,5
1	CC02	Nguyễn Văn Bảo	01/3/1994	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	87				87
1	CC03	Đỗ Mai Chi	16/5/1998	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	89				89
1	CC04	Nguyễn Minh Chiến	25/9/1991	Kế toán	Văn phòng Sở Công thương	Không	Ngành, lĩnh vực Tài chính, Kế toán	76,5				76,5
1	CC05	Nguyễn Hồng Doanh	07/9/1989	Quản lý Kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thành phố Chí Linh	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	62,5				62,5
1	CC06	Nguyễn Thị Đan	17/10/1996	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	91				91

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên		Điểm bài thi	Điểm trừ			
									Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
1	CC07	Phạm Hải Đăng	22/7/1991	Quản lý tài chính - ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Nam Sách	Không	Ngành, lĩnh vực Tài chính, Kế toán	68				68
1	CC08	Dương Việt Đức	01/8/1998	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	75,5				75,5
1	CC09	Đinh Thị Hậu	27/01/1990	Tiền lương và bảo hiểm	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Kim Thành	Không	Ngành, lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội	83				83
1	CC10	Nguyễn Hữu Hoàng	27/9/1995	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Kim Thành	Không	Ngành, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	86,5				86,5
1	CC11	Đỗ Tiến Hưng	01/12/1994	Phòng, chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	Ngành, lĩnh vực Thủy lợi - Đê điều và Phát triển nông thôn	83				83
1	CC12	Lê Thị Hương	04/10/1997	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	96,5				96,5
1	CC13	Ngô Thị Kim Khánh	29/7/1984	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Gia Lộc	không	Ngành, lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	75				75
1	CC14	Bùi Tú Linh	16/5/1999	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	25,5				25,5
1	CC15	Nguyễn Quang Long	18/8/1987	Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Tài chính, Kế toán	90				90

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
								Điểm bài thi	Điểm trừ			
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên			Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
1	CC16	Nguyễn Văn Lực	15/12/1990	Quản lý kế hoạch và đầu tư; kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Kim Thành	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	88				88
1	CC17	Nguyễn Thị Nga	27/8/1990	Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính -Kế hoạch, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Tài chính, Kế toán	66,5				66,5
1	CC18	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	24/02/1998	Quản lý về chăn nuôi	Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Gia Lộc	Không	Ngành, lĩnh vực Quản lý về chăn nuôi	72,5				72,5
1	CC19	Trần Bích Ngọc	09/8/1988	Quản lý Giáo dục mầm non	Phòng Giáo dục mầm non, Sở Giáo dục và Đào tạo	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Ngành, lĩnh vực Quản lý giáo dục mầm non	83			5	88
1	CC20	Đỗ Thị Thanh Tâm	12/5/1992	Quản lý kế hoạch và đầu tư; kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Kim Thành	Con Thương binh	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	92			5	97
1	CC21	Lê Thị Hà Thu	29/10/1996	Quản lý công nghệ	Phòng Quản lý công nghệ và Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Ngành, lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	12,5				12,5
1	CC22	Nguyễn Văn Tiến	07/9/1997	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	89,5				89,5

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên		Điểm bài thi	Điểm trừ			
									Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
1	CC23	Vũ Thị Hà Trang	06/11/1999	Quản lý Tài chính - Ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Tài chính, Kế toán	93,5				93,5
1	CC24	Nguyễn Trường Xuân	01/3/1998	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	Phòng Tài chính -Kế hoạch, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư	13				13
Phòng thi số 2												
2	CC25	Bùi Thị Chúc Anh	12/5/1998	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	83				83
2	CC26	Nguyễn Thái Anh	15/12/1998	Quản lý công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp	Phòng Kinh tế, UBND thành phố Chí Linh	Không	Ngành, lĩnh vực Công nghiệp - Thương mại	79,5				79,5
2	CC27	Nguyễn Lê Bình	26/9/1996	Quản lý thi đua - khen thưởng	Phòng Nội vụ, UBND huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng	51				51
2	CC28	Trịnh Thị Phương Châm	14/9/1999	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	87				87
2	CC29	Trần Minh Duy	02/6/1992	Quản lý Văn hóa Thông tin cơ sở và Quản lý thông tin- truyền thông	Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Văn hóa - Du lịch	82				82
2	CC30	Bùi Thái Dương	27/7/2000	Hành chính tổng hợp	Văn phòng Sở Tài Nguyên và Môi Trường	Con bệnh binh (41%)	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	52			5	57

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
								Điểm bài thi	Điểm trừ			
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên			Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
2	CC31	Đinh Thị Thúy Hà	16/7/1999	Hành chính tư pháp	Phòng Tư pháp, UBND huyện Ninh Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Tư pháp	30				30
2	CC32	Phạm Thu Hà	17/10/1998	Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND và UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	88				88
2	CC33	Hoàng Thị Huế	12/12/1994	Hành chính tổng hợp kiêm văn thư	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	51				51
2	CC34	Lê Thị Thu Huệ	28/5/1999	Hành chính tổng hợp	Văn phòng HĐND và UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	52				52
2	CC35	Đào Thị Hương	13/5/1997	Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm	Phòng Y tế, UBND huyện Ninh Giang	Không	Ngành, lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm và Nghiệp vụ y	78,5				78,5
2	CC36	Lê Xuân Khương	11/01/1980	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Công nghệ thông tin	95				95
2	CC37	Nguyễn Hoàng Kiên	24/11/1985	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Công nghệ thông tin	91				91
2	CC38	Trương Thị Lanh	04/11/1992	Hành chính Tư pháp	Phòng Tư pháp, UBND huyện Ninh Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Tư pháp	58,5				58,5
2	CC39	Nguyễn Mỹ Linh	24/6/1997	Hành chính tổng hợp	Chi cục Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và PTNT	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	60,5				60,5
2	CC40	Nguyễn Tài Long	21/01/1991	Tôn giáo	Phòng Nội vụ, UBND thị xã Kinh Môn	Con thương binh 4/4	Ngành, lĩnh vực Tôn giáo	73			5	78
2	CC41	Trần Hoàng Nam	09/6/1998	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Xây dựng, Giao thông	91				91

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
								Điểm bài thi	Điểm trừ			
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên			Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
2	CC42	Vũ Văn Nam	25/12/1986	Quản lý giao thông vận tải	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Xây dựng, Giao thông	67				67
2	CC43	Đinh Đức Phúc	27/10/1999	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Xây dựng, Giao thông	66,5				66,5
2	CC44	Phạm Văn Quảng	20/8/1983	Quản lý Giao thông- vận tải	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Xây dựng, Giao thông	75,5				75,5
2	CC45	Nguyễn Văn Tiền	29/7/1999	Quản lý di tích và quản lý du lịch	Phòng Văn hóa và Thông tin, UBND thành phố Chí Linh	Không	Ngành, lĩnh vực Văn hóa - Du lịch	83,5				83,5
2	CC46	Nguyễn Minh Tuấn	23/01/1998	Quản lý xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Kim Thành	Không	Ngành, lĩnh vực Xây dựng, Giao thông	65,5				65,5
2	CC47	Vương Hoàng Tùng	14/10/1995	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và quản lý về khoa học công nghệ	Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND huyện Cẩm Giàng	Không	Ngành, lĩnh vực Công nghiệp - Thương mại	78,5				78,5
2	CC48	Đào Thị Tuyên	25/6/1993	Hành chính một cửa	Văn phòng HĐND và UBND huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Văn phòng	92				92
Phòng thi số 3												
3	CC49	Lê Thị Duyên	28/11/1983	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	19				19

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên		Điểm bài thi	Điểm trừ			
									Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
3	CC50	Vũ Thành Đạt	25/3/1993	Thanh tra (vị trí số 2)	Thanh tra huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	80				80
3	CC51	Trần Thanh Hiền	24/6/1996	Thanh tra	Thanh tra huyện Gia Lộc	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	81,5				81,5
3	CC52	Nguyễn Hoàng Hiệp	30/8/1999	Thanh tra	Thanh tra thị xã Kinh Môn	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	50				50
3	CC53	Nguyễn Phạm Minh Hiếu	07/12/2000	Thanh tra	Thanh tra huyện Tứ Kỳ	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	63,5				63,5
3	CC54	Phạm Đình Hiệu	10/01/1985	Thanh tra (vị trí 2)	Thanh tra huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	82				82
3	CC55	Phạm Thị Huế	07/8/1988	Thanh tra	Thanh tra huyện Gia Lộc	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	78				78
3	CC56	Lê Văn Huy	09/3/1999	Tranh tra	Thanh tra huyện Gia Lộc	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	91				91
3	CC57	Nguyễn Thị Huyền	01/5/1995	Thanh tra	Thanh tra thị xã Kinh Môn	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	92				92
3	CC58	Đỗ Thị Hương	11/02/1997	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Con Thương binh hạng 3/4	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	37			5	42
3	CC59	Cao Minh Khương	07/4/1998	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	80				80
3	CC60	Phạm Thị Thùy Linh	12/3/2000	Thanh tra	Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi Trường	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	11				11

THÔNG TIN THÍ SINH				THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			Ngành, lĩnh vực dự thi	KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
								Điểm bài thi	Điểm trừ			
Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên			Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13 = 9-*
3	CC61	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	09/7/2000	Thanh tra	Thanh tra, Sở Tài Nguyên và Môi trường	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	92				92
3	CC62	Nguyễn Thị Phương	08/10/1997	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	59				59
3	CC63	Nguyễn Duy Thành	22/12/1992	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	93				93
3	CC64	Đỗ Thị Thảo	07/10/1999	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	59				59
3	CC65	Hoàng Minh Trang	15/8/1997	Thanh tra	Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi Trường	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	83,5				83,5
3	CC66	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/6/1993	Giải quyết khiếu nại tố cáo	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	77,5				77,5
3	CC67	Nguyễn Thu Trang	23/9/2000	Thanh tra	Thanh tra Sở Tài Nguyên và Môi Trường	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	35				35
3	CC68	Trần Thị Thục Trang	22/6/1994	Thanh tra	Thanh tra huyện Thanh Hà	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	91				91
3	CC69	Nguyễn Mạnh Tú	06/6/1986	Thanh tra (vị trí 1)	Thanh tra huyện Bình Giang	Không	Ngành, lĩnh vực Thanh tra	89,5				89,5

Danh sách này gồm có: ***69*** *thí sinh*